

Số: 45/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định thi hành Luật Đất đai.

Xét Tờ trình số 4903/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

1. Thống nhất để UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích đất trồng lúa thực hiện: tổng số 22 công trình, dự án (trong đó, đăng ký mới là 01 công trình, dự án; chuyển tiếp sang năm 2021 là 21 công trình, dự án), với quy mô diện tích là 843,19ha, trong đó diện tích đất trồng lúa là 586,51ha; tổng nhu cầu vốn để giải phóng mặt bằng (GPMB) là 1.590.126 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Đăng ký mới: 01 công trình, dự án với tổng diện tích 12,90ha, trong đó: diện tích đất trồng lúa là 12,50ha với nhu cầu vốn để GPMB là 50.000 triệu đồng.

- Chuyển tiếp: 21 công trình, dự án với quy mô diện tích 830,29ha, trong đó: diện tích đất trồng lúa là 574,01ha; tổng nhu cầu vốn để GPMB là 1.540.126 triệu đồng.

(Đính kèm Phụ lục I)

2. Các công trình, dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai: Tổng số 201 công trình, dự án; với tổng diện tích đất khoảng 706,15ha, trong đó: diện tích đất trồng lúa 136,32ha, đất rừng phòng hộ là 10,38ha; tổng nhu cầu vốn để GPMB khoảng 6.401.381,6 triệu đồng, cụ thể:

- Đăng ký mới: Có 98 công trình, dự án; với quy mô diện tích khoảng 367,39ha, trong đó diện tích đất trồng lúa là 57,05ha; tổng nhu cầu vốn để GPMB khoảng là 4.733.354,6 triệu đồng.

- Chuyển tiếp: Có 103 công trình, dự án; với quy mô diện tích khoảng 338,75ha, trong đó: diện tích đất trồng lúa là 79,27ha, đất rừng phòng hộ là 10,38ha; tổng nhu cầu vốn GPMB khoảng là 1.668.027 triệu đồng.

(Đính kèm Phụ lục II)

3. Công trình, dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2021 không thuộc khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 nhưng thuộc điểm b, khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013: Tổng số 28 công trình, dự án; với tổng diện tích đất cần chuyển mục đích đất sang sử dụng vào mục đích khác là 15,21ha; trong đó: diện tích đất trồng lúa là 11,15ha, diện tích đất rừng phòng hộ là 4,06ha.

(Đính kèm Phụ lục III)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa IX, kỳ họp thứ 18, thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2020.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: TN và MT, KH và ĐT, TC;
- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TN và MT, KH và ĐT, Tài chính, BQLKKT, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



Phụ lục I

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT VÀ NHU CẦU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC TRONG NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH (TRƯỜNG HỢP TRÌNH THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CHẤP THUẬN CHUYỂN MỤC ĐÍCH)

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
TỔNG CỘNG: 22 công trình, dự án; cụ thể:		843,19	586,51	586,51		1.590.126,00					
I	Công trình, dự án đăng ký mới: 01 công trình, dự án	12,90	12,50	12,50		50.000,00					
1	Xây dựng Đường huyện 13 kéo dài từ giáp Đường huyện 09, xã Tập Ngãi đến giáp tuyến tránh Quốc lộ 60, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần	12,90	12,50	12,50		50.000,00	Ngân sách tỉnh Ngân sách Trung ương	Xã Tập Ngãi, xã Phú Cần	BQL DA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	QĐ số 3293/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh	
II	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 21 công trình, dự án	830,29	574,01	574,01		1.540.126,00					
1	Dự án Khu đô thị Đông Ao Bà Om (giai đoạn 1: Xây dựng Hồ Điều Hòa; giai đoạn 2: thực hiện dự án Đông Ao Bà Om)	73,81	50,00	50,00			Ngân sách tỉnh Doanh nghiệp	Phường 7 phường 8	Doanh nghiệp	NQ số 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh địa điểm "phường 9" thành "phường 8" cho đúng địa giới hành chính
2	Khu đô thị mới thành phố Trà Vinh (khu đối diện Bệnh viện đa khoa mới)	49,67	39,44	39,44			Ngân sách tỉnh Doanh nghiệp	Phường 7	Doanh nghiệp	NQ số 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	
3	Cụm Công nghiệp Hòa Ân	50,00	39,82	39,82		125.000,00	Ngân sách	Xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè	UBND huyện	NQ số 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	
4	Kênh Nhà Thờ - Phú Thọ, Kênh 3/2	27,38	25,69	25,69		54.754,00	Ngân sách	Các huyện: Càng Long, Duyên Hải, Tiểu Cần, Trà Cú	UBND huyện	NQ số 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	
5	Đường nối Quốc lộ 60-Quốc lộ 54, huyện Tiểu Cần	14,30	11,44	11,44		57.800,00	NS TW, Tỉnh	xã Hiếu Trung Xã Phú Cần	UBND huyện	NQ số 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh QĐ 3436/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của CT.UBND tỉnh	Có điều chỉnh giảm diện tích từ 34,65 ha thành 14.30 ha; giảm tiền từ 480.000 triệu thành 57.800 triệu đồng

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
6	Cụm công nghiệp Long Sơn	40,00	39,00	39,00		50.000,00	Ngân sách	Xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang	UBND huyện	NQ số 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	
7	Cụm công nghiệp Tân Ngai, huyện Châu Thành	21,12	20,60	20,60		51.252,00	Ngân sách tỉnh	Xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành	UBND huyện	NQ số 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	
8	Cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang	40,00	38,50	38,50		50.000,00	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Cầu Ngang	NQ số 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	
9	Cụm công nghiệp Sa Bình, thành phố Trà Vinh	32,58	29,41	29,41		325.800,00	Ngân sách tỉnh	Xã Long Đức, thành phố Trà Vinh	UBND thành phố	NQ số 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	
10	Đường vành đai phía Đông thị trấn Tiểu Cần-xã Hiếu Từ	19,30	16,41	16,41		72.800,00	Ngân sách tỉnh	Thị trấn Tiểu Cần, xã Hiếu Từ, xã Phú Cần		Nghị quyết 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh Nghị quyết 136/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm diện tích thu hồi từ 58,20ha xuống còn 19,3ha Điều chỉnh hình thức đầu tư từ PPP thành hình thức đầu tư công
11	Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cầu Quan	110,50	24,27	24,27		331.500,00	Ngân sách huyện	Thị trấn Cầu Quan			
12	Khu chăn nuôi heo công nghệ cao		20,00	20,00		-	Doanh nghiệp	Xã Tân An	Doanh nghiệp		Doanh nghiệp tự nhận chuyển quyền sử dụng đất để thực hiện dự án
13	Cụm công nghiệp Tân Bình	25,00	17,00	17,00		62.500,00	Ngân sách	Xã Tân Bình	UBND huyện Càng Long		
14	Khu dân cư mới Nam Quốc lộ 53 xã Nguyệt Hóa, xã Lương Hòa	47,02	19,04	19,04					Doanh nghiệp	Nghị quyết 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	
15	Khu dân cư mới ấp Ba Se A, xã Lương Hòa	49,35	44,05	44,05					Doanh nghiệp		
16	Khu dân cư mới Tây Ao Bà Om, xã Lương Hòa	49,04	19,02	19,02			Ngân sách tỉnh Vốn Doanh nghiệp	Huyện Châu Thành	Doanh nghiệp		
17	Khu du lịch nghỉ dưỡng xã Lương Hòa	17,50	14,25	14,25					Doanh nghiệp		

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
18	Khu công viên, cây xanh, thể dục, thể thao ngoài trời xã Lương Hòa	68,46	25,27	25,27				Doanh nghiệp			
19	Đường tránh Quốc lộ 53	21,76	20,50	20,50	152.320,00	Ngân sách	Phường 8, 9	SGTVT			
20	Hoa viên nghĩa trang nhân dân thành phố Trà Vinh	45,30	45,30	45,30	135.900,00	Ngân sách tỉnh	Phường 9	UBND TP	Nghị quyết 170/NQ-HDND ngày 10/12/2019 của HDND tỉnh		
21	Khu tái định cư và nhà ở khu CN Cổ Chiên	28,20	15,00	15,00	70.500,00	Ngân sách tỉnh	Xã Đại Phước	UBND huyện			



Phụ lục II

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT VÀ NHU CẦU CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC TRONG NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH (THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI)

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
TỔNG CỘNG: 201 công trình, dự án (trong đó, đăng ký mới: 98 công trình, dự án; chuyển tiếp: 103 công trình, dự án), cụ thể:		706,15	146,69	136,32	10,38	6.401.381,60					
I	HUYỆN CẦU KÈ: 04 công trình, dự án	23,81	2,60	2,60		72.271,00					
I.1	Công trình, dự án đăng ký mới: 01 công trình, dự án	2,90	2,60	2,60		10.000,00					
1	Cải tạo, nâng cấp Đường huyện 33, huyện Cầu Kè	2,90	2,60	2,60		10.000,00	Ngân sách tỉnh	Xã Thanh Phú, Thông Hòa, Hòa Ân	Sở GTVT	QĐ số 3294/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh	
I.2	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 03 công trình, dự án	20,91				62.271,00					
1	Cụm công nghiệp An Phú Tân	20,00				40.000	Ngân sách	An Phú Tân	UBND huyện	NQ số 63/NQ-HĐND 08/12/2017 của HĐND tỉnh	
2	Nạo vét hệ thống kênh trục và xây dựng công trình điều tiết trên kênh, tỉnh Trà Vinh phục vụ sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu (Công C1, C3)	0,59				3.300,00	Ngân sách trung ương và địa phương	Xã An Phú Tân	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HDND tỉnh	
3	Xây dựng cầu Ấp II trên đường huyện 08, cầu Cây Trôm trên đường huyện 19 và cầu Bến Lộ trên đường huyện 51 (thuộc Dự án đầu tư mới và nâng cấp các cầu yếu trên các tuyến giao thông đầu mối kết nối liên vùng, huyện Cầu Ngang, Càng Long, Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh)	0,32				18.971,00	Ngân sách	Xã Phong Thạnh, xã Phong Phú	Sở Giao thông Vận tải	QĐ số 1381/QĐ-UBND 26/7/2019 của UBND tỉnh Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HDND tỉnh	Điều chỉnh tăng diện tích từ 0,30 ha thành 0,32 ha theo Quyết định phê duyệt dự án số 1381/QĐ-UBND ngày 26/7/2019
II	HUYỆN CHÂU THÀNH: 10 công trình, dự án	14,42	4,84	4,84		92.650,00					
II.1	Công trình, dự án đăng ký mới: 06 công trình, dự án	12,07	3,41	3,41		87.400,00					
1	Trạm Kiểm soát Biên phòng Thủ sau thuộc Đồn Biên phòng Long Hòa (614)	0,06	0,06	0,06		500,0	Ngân sách tỉnh	xã Long Hòa	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Quyết định số 3390/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh	
2	Bồi thường, giải phóng mặt bằng mở rộng Trường Trung học phổ thông Hòa Lợi	0,70	0,70	0,70		3.000,0	Ngân sách huyện	xã Hòa Lợi	Phòng Giáo dục và Đào tạo	NQ số 17/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện	

4

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
3	Bồi thường, giải phóng mặt bằng mở rộng Trường Mẫu giáo Hoa Sen, xã Lương Hòa (điểm Bót Chếch)	0,15	0,15	0,15		400,0	Ngân sách huyện	xã Lương Hòa	Phòng Giáo dục và Đào tạo	NQ số 17/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện	
4	Đường DM thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành	1,60	1,00	1,00		12.500,0	Ngân sách tỉnh	thị trấn Châu Thành	UBND huyện	Quyết định số 3375/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của UBND tỉnh	
5	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành	7,50	1,00	1,00		36.000,0	Ngân sách TW và tỉnh	thị trấn Châu Thành	UBND huyện	Quyết định số 3374/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của UBND tỉnh	
6	Cải tạo, nâng cấp Đường huyện 10, huyện Châu Thành	2,06	0,50	0,50		35.000,0	Ngân sách tỉnh	Huyện Châu Thành	BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Quyết định số 3295/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh	
II.2	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 04 công trình, dự án	2,35	1,43	1,43		5.250					
1	Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Châu Thành, Trà Vinh	0,25	0,20	0,20		750,0	Ngân sách TW	thị trấn Châu Thành	Kho bạc tỉnh	NQ 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tên dự án từ tên " Kho bạc Nhà nước huyện" thành " Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Châu Thành, Trà Vinh" theo QĐ số 5956/QĐ-KBNN ngày 31/10/2019 của Kho bạc Nhà nước
2	Sân vận động xã Lương Hòa	0,78	0,78	0,78		1.500,0	Ngân sách	Xã Lương Hòa	UBND xã Lương Hòa	NQ 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	
3	Nghĩa trang nhân dân xã Song Lộc	0,42	0,36	0,36		3.000,0	Ngân sách	Xã Song Lộc	Ban QLDA ĐTXD KV huyện Châu Thành	NQ số 23/NQ-HĐND ngày 06/11/2020 của HĐND tỉnh	
4	Nhà máy sản xuất nước sạch Nguyệt Hóa	0,90	0,09	0,09			Vốn nhà đầu tư	xã Nguyệt Hóa	Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường và Xây dựng Sài Gòn	Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh	Điều chỉnh giảm diện tích từ 2,0 ha thành 0,90 ha và tên dự án từ tên " Dự án Nhà máy cung cấp nước sạch Nguyệt Hóa, công suất 10,000m3/ngày đêm" thành tên "Nhà máy sản xuất nước sạch Nguyệt Hóa" theo Quyết định phê duyệt dự án số 2921/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh
III	HUYỆN DUYÊN HẢI: 18 công trình, dự án	152,20	12,33	7,01	5,32	126.910,6					
III.1	Công trình, dự án đăng ký mới: 07 công trình, dự án	71,49	6,20	6,20		58.790,6					

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
1	Mô hình cấp nước tập trung và nước uống trường học cho các xã đảo tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ - Hạng mục Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Long Khánh - thị trấn Long Thành	0,14				270,60	TW, vay tín dụng và vốn của Trung tâm nước	Thị trấn Long Thành	Trung tâm nước sạch và VSMT	QĐ 2619/QĐ-UBND ngày 16/12/19 và Quyết định 2421/QĐ-UBND ngày 15/6/20 của UBND tỉnh	
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Tuyến đường trục chính dọc theo kênh đào Trà Vinh (đoạn từ sông Giồng Ôi đến nút N29) - Giai đoạn I	17,80				35.600,00	NS TW	Xã Long Khánh, xã Ngũ Lạc, xã Đôn Châu	Ban QL Khu kinh tế Trà Vinh	QĐ 3203/QĐ-UBND ngày 14/09/20 của UBND tỉnh	
3	Hoàn thiện hạ tầng giao thông trong khu vực 4 xã Đào thuộc huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (giai đoạn I) (chiều dài khoảng 26.900 m và 10 cầu)	10,76	5,50	5,50		21.520,00	NS TW	TT. Long Thành, xã Long Khánh, Đông Hải, Long Vĩnh	Sở GTVT	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	
4	Dự án điện gió Long Vĩnh	13,39					Doanh nghiệp	Xã Long Vĩnh	Công ty CPĐT Trọng Phong	CV 1788/UBND-CN XD ngày 14/5/20 của UBND tỉnh	
5	Nhà máy điện gió Trường Thành 5 (V4-2A)	15,20					Doanh nghiệp	Xã Đông Hải	Cty CP TTP Trà Vinh	CV 848/UBND-CN XD ngày 13/3/20 của UBND tỉnh	
6	Dự án Cụm nhà máy điện gió REE - Trà Vinh	13,50					Doanh nghiệp	Xã Đông Hải	Cty CP cơ điện lạnh	CV 2696/UBND-CN XD ngày 15/7/20 của UBND tỉnh	
7	Nghĩa trang Nhân dân xã Ngũ Lạc	0,70	0,70	0,70		1.400,00	NS huyện	Xã Ngũ Lạc	UBND xã	Nhu cầu địa phương	
III.2	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 11 công trình, dự án	80,71	6,13	0,81	5,32	68.120,0					
1	Sân vận động xã Long Vĩnh	2,15				4.300,00	NS tỉnh	Xã Long Vĩnh	UBND xã	Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng nguồn vốn từ 2.150 triệu đồng lên thành 4.300 triệu đồng; điều chỉnh chủ đầu tư từ "UBND huyện" thành "UBND xã" theo đề nghị của huyện
2	Sân vận động thị trấn Long Thành	0,59				1.180,00	NS tỉnh	TT. Long Thành	UBND.TT	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng nguồn vốn từ 770 triệu đồng lên thành 1.180 triệu đồng theo đề nghị của huyện

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
3	Dự án Tuyến đường số 05 (Đoạn từ tỉnh lộ 914 đến nút N29, đoạn từ nút N29 đến C16 đến kênh đào Trà Vinh) Khu Kinh tế Định An (giai đoạn 1)	23,21				46.400,00	Ngân sách TW	Xã Đôn Châu, xã Ngũ Lạc, xã Long Khánh	BQL KKT	Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh một số nội dung theo đề nghị của huyện: - Điều chỉnh tăng diện tích thu hồi từ 23,20ha thành 23,21 ha; - Điều chỉnh giảm nguồn vốn từ 104.481 triệu đồng thành 46.400 triệu đồng; - Bổ sung thêm địa điểm là xã Long Khánh - Điều chỉnh tên dự án từ "Dự án Tuyến đường số 05" thành "Dự án Tuyến đường số 05 (Đoạn từ tỉnh lộ 914 đến nút N29, đoạn từ nút N29 đến C16 đến kênh đào Trà Vinh) Khu Kinh tế Định An (giai đoạn 1)".
4	Dự án Tuyến đường số 04 (đoạn từ nút N24 đến nút N30) KKT Định An	8,12				16.240,00	Ngân sách TW	Xã Đôn Xuân	BQL KKT	Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm nguồn vốn từ 24.360 triệu đồng thành 16.240 triệu đồng; điều chỉnh địa điểm từ "xã Long Khánh, xã Ngũ Lạc" thành "xã Đôn Xuân" theo đề nghị của địa phương
5	Trạm Biến áp 220kV Duyên Hải và Hướng tuyến công trình đường dây đầu nối	4,03					Doanh nghiệp	Xã Ngũ Lạc	BQL dự án các công trình điện Miền Nam	Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 17/07/2020 của HĐND tỉnh	
6	Nhà máy điện gió V3-2	5,50					Doanh nghiệp	Xã Đông Hải		Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	
7	Nhà máy điện gió Duyên Hải - 48MW (bao gồm: bổ sung hạng mục Hướng tuyến đường dây 110KV đầu nối NMDG Duyên Hải vào trạm biến áp 110KV Duyên Trà (phần đi riêng); công trình Nhà điều hành, Trạm biến áp và đường dây 110kV Nhà máy điện gió Duyên Hải - Duyên Trà)	11,23					Doanh nghiệp	Xã Đông Hải, Xã Long Khánh, Xã Ngũ Lạc	CTy TNHH điện gió Duyên Hải	Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng diện tích thu hồi từ "7,75ha" thành "11,23ha"
8	Nhà máy Điện gió Đông Thành 1 (V1-7), Đông Thành 2 (V3-4)	12,70	5,30		5,30		Doanh nghiệp	Xã Đông Hải	Công ty TNHH Thái Hòa	Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	
9	Nhà máy điện gió Hàn Quốc - Trà Vinh (giai đoạn 1); Hạng mục đường dây 110kV Duyên Trà - Nhà máy điện gió số 1 Trà Vinh	3,80	0,81	0,81			Doanh nghiệp	Xã Long Khánh, xã Ngũ Lạc	Công ty TNHH MTV Điện gió Trà Vinh 1	Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh	Bổ sung đất trồng lúa là 0,81ha

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
10	Dự án nhà máy điện gió Đông Hải 1	3,87	0,02		0,02		Doanh nghiệp	Xã Đông Hải	Công ty CP Điện gió Trung Nam Trà Vinh 1	Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh Công văn số 795/TTG-CP ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ QĐ số 3656/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của UBND tỉnh	Điều chỉnh tên dự án từ tên "Nhà máy điện gió V1-7" thành tên "Dự án Nhà máy điện gió Đông Hải 1". Điều chỉnh diện tích giảm từ 5,10 ha thành 3,87 ha; Có bổ sung đất rừng phòng hộ là 0,02 ha
11	Nhà máy điện gió Đông Hải 3	5,51					Doanh nghiệp	Xã Đông Hải	Công ty CP Điện gió Đông Hải	Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh Công văn số 1326/UBND-CNXD ngày 10/4/2020 của UBND tỉnh	Điều chỉnh tên dự án từ "Nhà máy điện gió V3-3" thành "Nhà máy điện gió Đông Hải 3"; điều chỉnh diện tích tăng từ "5,50 ha" thành "5,51ha"
IV	THỊ XÃ DUYÊN HẢI: 49 công trình, dự án	96,18	8,51	3,45	5,06	257.457,00					
IV.1	Công trình, dự án đăng ký mới: 46 công trình, dự án	78,43	0,25	0,25	-	158.325,00					
1	Cầu Ba Động kết nối hạ tầng du lịch biển Ba Động, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải	0,60				22.395,00	Ngân sách tỉnh và Trung ương	TX. Duyên Hải	Sở GTVT	QĐ số 3146/QĐ-UBND 04/9/2020	
2	Đường nhựa từ 19-5 đến Quốc Lộ 53, thị xã Duyên Hải	0,50				10.000	Ngân sách	Phường 1	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	
3	Nâng cấp, sửa chữa đường đan từ 19/5 đến đường Điện Biên Phủ - QL53 (nhà chú Hai Long - Khóm 2)	0,02				200	Ngân sách	Phường 1	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
4	Đường nhựa từ đường 19/5 đến đường đan Khóm 2	0,15				1.500	Ngân sách	Phường 1	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
5	Đường nhựa từ trường tiểu học Kim Đồng đến đường 30/4	0,24				2.400	Ngân sách	Phường 1	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
6	Đường nhựa từ Lý Tự Trọng đến Trụ sở Khóm 3	0,59				5.900	Ngân sách	Phường 1	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
7	Đường nhựa từ 30/4 đến Trung tâm bồi dưỡng chính trị	0,06				600	Ngân sách	Phường 1	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
8	Đường khóm 2 nối dài	0,06				600	Ngân sách	Phường 1	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
9	Cầu Trung ương đoàn 30/4	0,01				60	Ngân sách	Phường 2	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
10	Cầu và đường đaml Kênh Suối	0,12				720	Ngân sách	Phường 2	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
11	Cầu và đường đaml Rạch Nò	0,23				1.380	Ngân sách	Phường 2	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
12	Đường đaml cầu Phước Bình 1 đến sông Láng chim	0,43				2.580	Ngân sách	Phường 2	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
13	Nâng cấp, sửa chữa đường đaml Rạch Hầm	0,07				420	Ngân sách	Xã Dân Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
14	Nâng cấp, sửa chữa đường nhựa Quốc lộ 53B - Cầu áp Mới, xã Dân Thành	0,04				240	Ngân sách	Xã Dân Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
15	Cầu Sông khém Cồn Ông, xã Dân Thành	0,03				180	Ngân sách	Xã Dân Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
16	Đường đaml Cồn Ông - Rạch Khém, ấp Cồn Ông, xã Dân Thành	0,45				2.700	Ngân sách	Xã Dân Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
17	Đường đaml từ Hương Lộ 81 đến khu thực Nghiệm	0,24				1.440	Ngân sách	Xã Dân Thành	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
18	Hệ thống thoát nước từ Trường THCS Trường Long Hòa (Điểm học Hải Đăng) đến Quốc lộ 53B	0,07				420	Ngân sách	Xã TLH	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
19	Đường nhựa từ lộ Vôi đến Rạch Hầm	1,23				7.380	Ngân sách	Xã TLH	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
20	Nâng cấp, sửa chữa cầu Cồn Tàu	0,01				60	Ngân sách	Xã TLH	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
21	Nâng cấp, sửa chữa Đường Nội đồng từ THCS (Điểm học Hải Đăng) đến Quốc lộ 53B	0,34				2.040	Ngân sách	Xã TLH	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
22	Đường đaml từ tỉnh Lộ 913 đến Bến Lò	0,30				1.800	Ngân sách	Xã TLH	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
23	Đường đaml từ Cồn Tàu đến Rạch Sáu	0,75				4.500	Ngân sách	Xã TLH	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
24	Đường đaml ấp Bào Sen	0,22				1.320	Ngân sách	Xã Long Toàn	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
25	Đường đaml Giồng Tiền (giai đoạn 3)	0,40				2.400	Ngân sách	Xã Long Toàn	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
26	Đường đaml Phước An 1	0,12				720	Ngân sách	Xã Long Toàn	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
27	Đường nhựa Đường Khai - Giồng Giếng (Giai đoạn 2)	0,13				780	Ngân sách	Xã Long Toàn	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
28	Cầu Bờ Lát 1	0,01				60	Ngân sách	Xã Long Toàn	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
29	Cầu Phước An	0,02				120	Ngân sách	Xã Long Toàn	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
30	Đường nhựa giồng Trôm giai đoạn 2	0,21				1.260	Ngân sách	Xã Long Toàn	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
31	Đường đaml Long Điền (giai đoạn 3)	0,08				480	Ngân sách	Xã Long Toàn	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
32	Đường nhựa Giồng Ôi	0,45				2.700	Ngân sách	Xã Long Toàn	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
33	Đường đaml ấp Thống Nhất	0,19				1.140	Ngân sách	Xã Long Toàn	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
34	Nâng cấp, sửa chữa Cầu Cao	0,02				80	Ngân sách	Xã Long Hữu	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
35	Đường nhựa bê tông từ Tỉnh lộ 914 đến khu bê tông áp 16	0,74				2.960	Ngân sách	Xã Long Hữu	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
36	Đường nhựa Bờ kênh vận chuyển sản phẩm nông nghiệp áp 15,16,17	1,14	0,25	0,25		4.560	Ngân sách	Xã Long Hữu	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
37	Đường đaml từ kênh Ngã Cái đến Bờ 57 (giai đoạn 2)	0,14				420	Ngân sách	Xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
38	Đường đaml ngọn Ông Cội	0,20				600	Ngân sách	Xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
39	Đường nhựa từ đê Quốc Phòng đến rạch Cạn	0,67				2.010	Ngân sách	Xã Hiệp Thạnh	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 29/7/2020 của HĐND Thị xã	
40	Dự án tuyến đường số 3 (đoạn từ nút cầu Long Toàn đi qua cảng Long Toàn và khu phi thuế quan đến sông Giồng Ói)	20,00				67.200	Ngân sách	Xã Long Toàn	BQLKKT	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	
41	Đường giao thông đầu nối Trạm biến áp dự án Nhà máy điện gió V1-2	0,11					Doanh nghiệp	Xã Trường Long Hoà	Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành	CV số 2185/UBND-CNXD ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh	
42	Nhà máy điện gió số 3, tại vị trí V1-3 giai đoạn 2	1,02					Doanh nghiệp	Xã Trường Long Hoà	Công ty Cổ phần Điện gió Trường Thành	CV số 2696/UBND-CNXD ngày 15/7/2020 của UBND tỉnh CV số 3440/UBND-CNXD ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh	
43	Nhà máy điện gió Trường Thành 1 (V4-3C)	10,10					Doanh nghiệp	Xã Hiệp Thạnh	Cty CP TTP Trà Vinh	CV 848/UBND-CNXD ngày 13/3/20 của UBND tỉnh	
44	Nhà máy điện gió Trường Thành 2 (V4-3B)	13,02					Doanh nghiệp	Xã Trường Long Hoà			
45	Nhà máy điện gió Trường Thành 3 (V4-3A)	9,50					Doanh nghiệp	Xã Trường Long Hoà			
46	Nhà máy điện gió Trường Thành 4 (V4-2B)	13,40					Doanh nghiệp	Xã Dân Thành			
IV.2	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 03 công trình, dự án	17,75	8,26	3,20	5,06	99.132,00					

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
1	Nâng cấp, mở rộng Đường dẫn vào Khu bến tổng hợp Định An, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	6,54	3,20	3,20		35.232,00	Ngân sách tỉnh	TX. Duyên Hải	Sở GTVT	NQ số 04/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh	Có điều chỉnh tăng diện tích đất trồng lúa từ 0,98 ha thành 3,2 ha; tăng nguồn vốn từ 32.700 triệu đồng thành 35.232 triệu đồng
2	Xây dựng Đường hành lang ven biển phát triển du lịch Ba Động	10,65	5,06	5,06		63.900,00	Ngân sách	Xã Trường Long Hoà	Ban QLDA ĐTXD KV TXDH	NQ số 127/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tên dự án từ "Đường hành lang ven biển xã Trường Long Hòa" thành tên "Xây dựng Đường hành lang ven biển phát triển du lịch Ba Động"; tăng diện tích thu hồi từ "9,22ha" thành "10,65ha"; giảm đất trồng lúa từ "7,08ha" thành "5,06ha"; tên chủ đầu tư từ "UBND xã Trường Long Hòa" thành "Ban QLDA ĐTXD KV TXDH" theo đề nghị của TX.
3	Trạm biến áp 110Kv Dân Thành và đường dây đầu nối	0,56					Doanh nghiệp	xã Long Toàn	Tổng Công ty Điện lực miền Nam	NQ số 04/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh	
V	HUYỆN TRÀ CÚ: 12 công trình, dự án	5,21	3,37	3,37		9.990,00					
V.1	Công trình, dự án đăng ký mới: 02 công trình, dự án	0,86	0,01	0,01		700,00					
1	Công viên khóm 7, thị trấn Định An (mũi tàu đường xuống Bến phà Láng Sắt)	0,85				700	Ngân Sách	TT. Định An	UBND huyện	NQ số 136/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND huyện	
2	Công trình lưới điện 110kV trên địa bàn huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	0,01	0,01	0,01			Doanh nghiệp	xã Ngọc Biên	Tổng Công ty Điện lực miền Nam	QĐ số 1490/QĐ-BCT ngày 19/5/2016 của Bộ Công Thương	
V.2	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 10 công trình, dự án	4,35	3,36	3,36	-	9.290,00					

12

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
1	Đường nhựa nhóm 7 qua QL53 (đường tránh)	0,48	0,27	0,27	1.500	Ngân sách	TT. Trà Cú, xã Ngãi Xuyên	UBND huyện	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng diện tích thu hồi từ 0,33 ha đất thành 0,48 ha (có 0,27 ha đất trồng lúa) Điều chỉnh nguồn vốn từ 1.240 triệu thành 1.500 triệu đồng và thêm địa điểm xã Ngãi Xuyên theo đề nghị của huyện	
2	Nhà văn hóa ấp Bà Tây B	0,02			100	Ngân sách xã	xã Tập Sơn	UBND xã Tập Sơn	NQ 137/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tên dự án từ Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Bà Tây B thành "Nhà văn hóa ấp Bà Tây B"; tăng nguồn vốn từ 40 triệu thành 100 triệu đồng theo đề nghị của huyện	
3	Đường nhựa nhóm 1 qua nhóm 4	0,32	0,20	0,20	1.200	Ngân sách	TT. Trà Cú	UBND huyện	NQ số 127/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh	Bổ sung nhu cầu chuyển mục đích trồng lúa so là 0,20ha; tăng nguồn vốn từ 640 triệu thành 1.200 triệu đồng theo đề nghị của huyện	
4	Đường nhựa số 7	0,50	0,01	0,01	1.100	Ngân sách	Xã Ngãi Xuyên	UBND huyện	NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng diện tích thu hồi từ 0,05ha thành 0,50ha; giảm diện tích đất trồng lúa từ 0,05ha thành 0,01ha; tăng nguồn vốn từ 75 triệu thành 1.100 triệu đồng theo đề nghị của huyện	
5	Xây dựng mới Chợ Ngãi Xuyên, xã Ngãi Xuyên	0,60	0,60	0,60	950	Ngân sách	Xã Ngãi xuyên	UBND huyện	NQ số 63/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh nguồn vốn từ 600 triệu thành 950 triệu đồng theo đề nghị của huyện	
6	Trạm Y tế xã Kim Sơn	0,15			450	Ngân sách	Xã Kim Sơn	UBND huyện	NQ số 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh nguồn vốn từ 300 triệu thành 450 triệu đồng theo đề nghị của huyện	
7	Trường Tiểu học Kim Sơn	0,48	0,48	0,48	990	Ngân sách	xã Kim Sơn	UBND huyện	NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh nguồn vốn từ 720 triệu thành 990 triệu đồng theo đề nghị của huyện	

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
8	Chợ Thanh Sơn	0,30	0,30	0,30		750	Ngân sách	Xã Thanh Sơn	UBND huyện	NQ số 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	Bổ sung đất lúa là 0,30ha theo đề nghị của huyện
9	Hồ chứa nước áp Đôn Chum A	1,20	1,20	1,20		1.800	Ngân sách	xã Tân Sơn	BQLDA	NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	
10	Nghĩa địa xã Thanh Sơn	0,30	0,30	0,30		450	Ngân sách	Xã Thanh Sơn	STBXH	NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	
VI	HUYỆN TIỂU CẦN: 28 công trình, dự án	75,75	27,60	27,60		303.712					
VI.1	Công trình, dự án đăng ký mới: 14 công trình, dự án	27,13	1,44	1,44		129.312					
1	Quảng trường, khu thể thao, nhà văn hóa thị trấn Cầu Quan	0,59				3.304,00	Ngân sách	TT. Cầu Quan	UBND huyện	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	
2	Sân bóng đá xã Hiếu Tử	1,09	1,09	1,09		1.900,00	Ngân sách	Xã Hiếu Tử	UBND huyện	QĐ 3888/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của CT.UBND huyện	
3	Nâng cấp, mở rộng Hương lộ 34, thị trấn Cầu Quan	0,75				4.200,00	Ngân sách	TT. Cầu Quan	UBND huyện	Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của CT.UBND tỉnh	
4	Nâng cấp mở rộng đường cấp kinh Mạc Sầm đến đường Hùng Vương	1,70				9.520,00	Ngân sách	TT. Cầu Quan	UBND huyện	Quyết định số 3420/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của CT.UBND tỉnh	
5	Đường số 5, huyện Tiểu Cần	1,88	0,06	0,06		3.742,00	Ngân sách	TT Tiểu Cần, Xã Phú Cản	UBND huyện	Quyết định số 3419/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của CT.UBND tỉnh	
6	Đường D7	2,88				4.896,00	Ngân sách	TT Tiểu Cần, Xã Phú Cản	UBND huyện	Công văn số 2813/UBND-CNXD ngày 22/7/2020 của CT.UBND tỉnh	
7	Đường nội ô thị trấn Tiểu Cần-Tỉnh lộ 912, huyện Tiểu Cần	0,04				1.200,00	Ngân sách	Xã Phú Cản	UBND huyện	QĐ số 2170/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của CT.UBND tỉnh	
8	Đường cấp chùa Cây Hẹ, thị trấn Tiểu Cần	0,27				2.500,00	Ngân sách	TT. Tiểu Cần	UBND huyện	Công văn số 2813/UBND-CNXD ngày 22/7/2020 của CT.UBND tỉnh	
9	Kè chống sạt lở sông thị trấn Tiểu Cần	1,13				8.500,00	Ngân sách	Thị trấn Tiểu Cần	UBND huyện	Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 07/10/2020 của CT.UBND tỉnh	

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
10	Đường GTNT liên xã Tân Hùng - Hùng Hòa (Đường huyện 26-Cầu Từ Ô)	0,13	0,05	0,05			Dân hiến đất	xã Hùng Hòa	UBND huyện	Công văn số 2813/UBND-CN XD ngày 22/7/2020 của CT. UBND tỉnh	
11	Đường nhựa nhóm 5, thị trấn Tiểu Cần	1,14	0,20	0,20			Dân hiến đất	TT. Tiểu Cần	UBND huyện	Công văn số 2813/UBND-CN XD ngày 22/7/2020 của CT. UBND tỉnh	
12	Đường GTNT đầu nối cầu dân sinh thuộc dự án LRAMP	0,04	0,04	0,04		6.800,00	Ngân sách	Xã Phú Cần	UBND huyện	QĐ số 2257/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của CT. UBND tỉnh	
13	Xây dựng mới và nâng cấp mở rộng các tuyến đường giao thông đáp ứng tiêu chí đô thị loại 4IV, huyện Tiểu Cần: - Đường nhựa ấp Đại Mong - Bà Ép, diện tích đất 3,06 ha - Đường nhựa ấp Chợ - Phụng Sa: diện tích 1,20 ha	4,26				20.850,00	Ngân sách	Huyện Tiểu Cần	UBND huyện	Quyết định số 3573/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của CT.UBND tỉnh	
14	Hoàn thiện hạ tầng giao thông đô thị loại IV, huyện Tiểu Cần: - Đường cấp sông Tiểu Cần (từ cầu Tiểu Cần đến cầu khóm 2): diện tích đất thu hồi 0,99 ha. - Đường nhựa ấp Tân Đại, xã Hiếu Tử: diện tích thu hồi đất 2,58 ha. - Đường cấp sông Tiểu Cần (Từ cầu Tiểu Cần đến công ty lương thực cũ): diện tích đất thu hồi 0,86 ha. - Đường vành đai Khóm 6 (Từ Cầu Rạch Lọt đến cầu Đại Sư): diện tích đất thu hồi 2,10 ha. - Mở rộng đường Xóm Vó: diện tích đất thu hồi 0,95 ha. - Đường nhựa nhóm 2, thị trấn Tiểu Cần (cấp Tòa án nhân dân huyện): diện tích đất thu hồi 0,45 ha. - Đường ven sông Tiểu Cần (Đình thần - bãi rác cũ - Quốc lộ 60): diện tích đất thu hồi 3,30 ha.	11,23				61.900,00	Ngân sách	Huyện Tiểu Cần	UBND huyện	Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của CT.UBND tỉnh	
VI.2	Công trình, đăng ký chuyển tiếp: 14 công trình, dự án	48,62	26,16	26,16		174.400					
1	Bãi rác huyện Tiểu Cần	2,00	2,00	2,00		4.000,00	Ngân sách	Xã Hiếu Tử	UBND huyện	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	
2	Dự án thu gom xử lý lục bình	7,00	2,00	2,00		25.000,00	Ngân sách	Xã Hiếu Trung, Xã Tân Hòa	UBND huyện	Nghị quyết 156/NQ-HĐND ngày 15/10/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm nguồn vốn từ 30.000 triệu đồng thành 25.000 triệu đồng
3	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước sạch xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần	0,09	0,09	0,09		350,00	Ngân sách tỉnh	Xã Hiếu Tử	Sở NN&PTNT	Nghị quyết 127/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh bổ sung nhu cầu chuyển mục đích đất trồng lúa là 0,09 ha theo đề nghị của huyện

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
4	Mở rộng quảng trường thị trấn Tiểu Cần	0,02				2.030,00	Ngân sách	TT. Tiểu Cần	UBND huyện	Nghị quyết 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng nguồn vốn từ 600 triệu đồng thành 2.030 triệu đồng theo đề nghị của huyện
5	Bến xe Tiểu Cần	1,00	1,00	1,00		3.000,00	Ngân sách	xã Hiếu Trung - Xã Phú Cần	UBND huyện	Nghị quyết 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	Bổ sung thêm địa điểm thực hiện dự án là xã Hiếu Trung theo đề nghị của huyện
6	Đường Vành đai phía Đông Phú Cần - xã Tập Ngãi (hạng mục nối dài sang Tập Ngãi)	5,00	3,00	3,00		25.000,00	Ngân sách	Xã Phú Cần, Xã Tập Ngãi	UBND huyện	Nghị quyết 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng mức vốn lên thành 25.000 triệu đồng
7	Nhà máy xử lý nước thải	12,00				60.000,00	Ngân sách	Thị trấn Tiểu Cần	UBND huyện	Nghị quyết 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh nguồn vốn từ XXH thành nguồn vốn ngân sách
8	Nhà ở xã hội	9,50	9,50	9,50		50.000,00	Xã hội hóa	Thị trấn Tiểu Cần		Nghị quyết 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	
9	tuyến đường N6, thành phố Trà Vinh	0,30	0,30	0,30		900,00	Ngân sách	xã Phú Cần	UBND huyện	Nghị quyết 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	
10	Nhà văn hóa ấp 6, xã Tân Hùng	0,01				20,00	Ngân sách	Xã Tân Hùng	UBND huyện	Nghị quyết 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	
11	Công viên môi trường thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	0,02				100,00	Ngân sách	Thị trấn Cầu Quan	UBND huyện	Nghị quyết 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm nguồn vốn từ 200 triệu xuống thành 100 triệu đồng theo đề nghị của huyện
12	QH Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Tiểu Cần	10,00	7,29	7,29		4.000,00	Ngân sách	Xã Phú Cần	UBND huyện	NQ 63/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm nguồn vốn từ 40.000 triệu xuống thành 4.000 triệu đồng theo đề nghị của huyện (Công văn số 3199/UBND -NN ngày 30/10/2020)
13	Đường GTNT từ tỉnh lộ 912 đến lộ nhựa ấp Xóm Chòi	0,78	0,68	0,68			Dân hiến đất	Xã Tập Ngãi	UBND huyện	NQ 63/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh	
14	Đường GTNT từ tỉnh lộ 912 đến lộ nhựa ấp Ông Xây	0,90	0,30	0,30			Dân hiến đất	Xã Tập Ngãi	UBND huyện	NQ 63/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh	
VII	HUYỆN CÀNG LONG: 15 công trình, dự án	39,09	15,28	15,28		81.003					

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)		Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)					Nguồn vốn
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
VII.1	Công trình, dự án đăng ký mới: 03 công trình, dự án	9,25	3,20	3,20		45.800					
1	Xây dựng đường kết nối trung tâm huyện Càng Long đến quốc lộ 60 đi TP Trà Vinh	9,00	3,20	3,20		45.000,0	Ngân sách tỉnh	Huyện Càng Long	Sở Giao thông	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh	
2	Cầu bắt qua sông ấp 5 - 5A, xã An Trường, huyện Càng Long	0,1				350	Ngân sách tỉnh	Huyện Càng Long	UBND huyện	Công văn số 2813/UBND-CNXD ngày 22/7/2020	
3	Cầu Đại Phúc bắt qua sông xã Đại Phước	0,15				450	Ngân sách tỉnh	Huyện Càng Long	UBND huyện	Công văn số 2813/UBND-CNXD ngày 22/7/2020	
VII.2	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 12 công trình, dự án	29,84	12,08	12,08		35.203,00					
1	Đường dẫn vào Dự án Kho lạnh thông minh tiêu chuẩn Châu Âu	0,29	0,29	0,29		864	Ngân sách huyện	Xã Bình Phú	UBND huyện Càng Long	NQ số 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	
2	Đường nhựa phủ hòa (Bụi ngô gai - kinh 3 xã)	0,50	0,10	0,10			Ngân sách huyện	Phương Thạnh	UBND xã	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	Dân hiến đất Điều chỉnh địa điểm đầu tư từ "xã Huyền Hội" thành "xã Phương Thạnh" theo đề nghị tại Báo cáo số 467/BC-UBND ngày 26/10/2020 của UBND huyện
3	Đê bao cánh đồng trên ấp Giồng Chùa xã Phương Thạnh	0,60	0,16	0,16			Ngân sách huyện	Phương Thạnh	UBND xã		Dân hiến đất Điều chỉnh tăng diện tích đất trồng lúa từ 0,15ha thành 0,16 ha
4	Trung tâm chính trị - hành chính và khu đô thị mới Càng Long	18,73	6,33	6,33			Vốn Doanh nghiệp	Thị trấn Càng Long	Kêu gọi đầu tư	NQ số 127/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 của HĐND tỉnh	Hình thức PPPP
5	Nhà Lồng chợ Càng Long (Hạng mục: nhà lồng thịt cá, nhà vệ sinh, hệ thống PCCC)	0,06				2.000,00	Ngân sách huyện	Thị trấn Càng Long	Ban QLDA huyện		
6	Khu dân cư chỉnh trang đô thị	9,00	5,20	5,20		29.861,00	DN ứng vốn	Khóm 4, TTCL	Doanh nghiệp	NQ số 109/NQ - HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	
7	Đường Vào Sân vận động xã Tân An	0,06				100,0	Nông thôn mới	Tân An	UBND xã	NQ số 137/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh	
8	MR trạm nước An Trường	0,36				842,0	Ngân sách huyện	An Trường	Sở Nông nghiệp	Nghị quyết 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
9	Dự án di dân sạch lờ	0,10				264,0	Ngân sách huyện	Đức Mỹ	Nhu cầu ngành	Nghị quyết 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	
10	Cầu Đinh Đồi	0,10				180,0	Ngân sách XH hóa	Nhị Long Phú	Sở Giao thông	Nghị quyết 63/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh	
11	Mở rộng trạm cấp nước Huyện Hội	0,03				792,0	Ngân sách tỉnh	Huyện Hội	Sở nông nghiệp	Nghị quyết 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	
12	Chốt Kiểm dịch động vật cầu Cỏ Chiên	0,01				300,00	Ngân sách tỉnh	Đại Phước	Sở NN&PTNT	Nghị quyết 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	
VIII	THÀNH PHỐ TRÀ VINH: 23 công trình, dự án	117,470	15,910	15,915		3.437.168,00					
VIII.1	Công trình, dự án đăng ký mới: 11 công trình, dự án	60,300	7,200	7,200		2.460.552,00					
1	Nâng cấp, mở rộng đường Chu Văn An, thành phố Trà Vinh	0,90				22.000	Ngân sách tỉnh	Phường 1, 4 và xã Long Đức	UBND TP	QĐ số 3389/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của CT. UBND tỉnh	
2	Khu hành chính tập trung thành phố Trà Vinh (giai đoạn 1)	5,00	2,00	2,00		250.000	Ngân sách tỉnh	Xã Long Đức	UBND TP	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	
3	Xây dựng mới trường THCS Lý Tự Trọng	4,10	3,00	3,00		300.000	Ngân sách tỉnh	Phường 1	UBND TP	QĐ số 3388/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của HĐND tỉnh	
4	Đường Nguyễn Hòa Luông nối dài, thành phố Trà Vinh	0,60	0,20	0,20		22.000	Ngân sách tỉnh	Phường 2	UBND TP	QĐ số 3447/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của CT. UBND tỉnh	
5	Dự án phát triển đô thị thích ứng biến đổi khí hậu khu vực Mê Kôn - thành phố Trà Vinh	45,00	1,20	1,20		1.722.252	Ngân sách tỉnh	TPTV	UBND TP	NQ số 14/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	
6	Đường N7 thành phố Trà Vinh	1,30	0,50	0,50		70.000	Ngân sách thành phố	Phường 1	BQL các dự án ĐTXD TP	NQ số 12/NQ-HĐND ngày 20/7/2020 của HĐND TPTV	
7	Xây dựng đường Đại đội trinh sát đoạn còn lại	0,40				15.000	Ngân sách thành phố	Phường 7	BQL các dự án ĐTXD TP	NQ số 12/NQ-HĐND ngày 20/7/2020 của HĐND TPTV	
8	Xây dựng đường cấp kênh Đại phường 1, TPTV	1,00	0,30	0,30		30.000	Ngân sách thành phố	Phường 1	BQL các dự án ĐTXD TP	NQ số 12/NQ-HĐND ngày 20/7/2020 của HĐND TPTV	

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
9	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trung Trực, thành phố Trà Vinh	0,20				6.000	Ngân sách thành phố	Phường 1 và xã Long Đức	BQL các dự án ĐTXD TP	NQ số 12/NQ-HĐND ngày 20/7/2020 của HĐND TPTV	
10	Xây dựng hạ tầng khu đất công phục vụ an sinh xã hội phường 9, thành phố Trà Vinh	0,60				1.300	Ngân sách thành phố	Phường 9	BQL các dự án ĐTXD TP	QĐ số 3716/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của CT. UBND TPTV	
11	Hệ thống thoát nước, vỉa hè đường Bạch Đằng phường 4	1,20				22.000	Ngân sách thành phố	Phường 4	BQL các dự án ĐTXD TP	NQ số 12/NQ-HĐND ngày 20/7/2020 của HĐND TPTV	
VIII.2	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 12 công trình, dự án	57,17	8,71	8,71		976.616,00					
1	Cầu Long Đại, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh	0,30				1.866	Ngân sách tỉnh	Xã Long Đức	UBND TP	NQ số 04/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng diện tích từ 0,25ha thành 0,30ha; tăng nguồn vốn từ 1,132 triệu đồng lên thành 1,866 triệu đồng; điều chỉnh nguồn "ngân sách TP" thành "ngân sách tỉnh" theo đề nghị của địa phương
2	Tuyến đường N6, thành phố Trà Vinh	0,51	0,01	0,01		6.400	Ngân sách thành phố	Phường 5	BQL các dự án ĐTXD TP	NQ số 137/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh	Bổ sung đất lúa là 0,01ha; điều chỉnh giảm nguồn vốn từ 10,200 triệu đồng thành 6.400 triệu đồng theo đề nghị của địa phương
3	Đường D10 thành phố Trà Vinh	6,00	1,50	1,50		120.000	Ngân sách tỉnh	Phường 7	UBND TP	NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng diện tích thu hồi từ 1,30ha thành 6,00ha (trong đó đất trồng lúa là 1,50ha); điều chỉnh tăng nguồn vốn từ 6.500 triệu đồng thành 120.000 triệu đồng
4	Tuyến trung tâm Chính trị - Hành chính tỉnh Trà Vinh	12,90	3,00	3,00		270.000	Ngân sách tỉnh	Phường 7, 9	UBND TP	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh diện tích đất trồng lúa từ 1.0 ha thành 3.0 ha; tăng nguồn vốn từ "100.000 triệu đồng" thành "270.000 triệu đồng".

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
5	Đường giao thông nông thôn ấp Huệ Sanh (lộ Cida nối dài giai đoạn 1)	0,10	0,05	0,05		450	Ngân sách thành phố	Xã Long Đức	BQL các dự án ĐTXD TP	NQ số 04/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng diện tích thu hồi từ 0,03ha thành 0,10ha (trong đó bổ sung đất trồng lúa là 0,05ha); điều chỉnh tăng nguồn vốn từ 375 triệu đồng thành 450 triệu đồng (theo đề nghị của địa phương)
6	Đường giao thông và hệ thống thoát nước phường 2 và phường 7, thành phố Trà Vinh	0,10				15.000	Ngân sách tỉnh và thành phố	Phường 2, 7	BQL các dự án ĐTXD TP	NQ số 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	
7	Dự án xây dựng kho vật tư Công ty Điện lực Trà Vinh	0,20	0,20	0,20			Doanh nghiệp	xã Long Đức	Công ty Điện lực Trà Vinh	NQ số 127/NQ-HĐND ngày 12/4/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tên dự án từ "Xây dựng Nhà làm việc đơn vị trực thuộc Công ty Điện lực" thành tên " Dự án xây dựng kho vật tư Công ty Điện lực Trà Vinh"
8	Dự án xây dựng khu Liên cơ quan	0,15				50.000	Ngân sách tỉnh	phường 1	Tỉnh ủy Trà Vinh	NQ số 04/NQ-HĐND ngày 07/5/2020 của HĐND tỉnh	
9	Trụ sở Ban nhân dân khóm 6, phường 6	0,05				300	Ngân sách thành phố	phường 6	BQL các dự án ĐTXD TP	NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng diện tích thu hồi từ 0,02ha thành 0,05ha; tăng nguồn vốn từ 140 triệu đồng thành 300 triệu đồng
10	Dự án khu dân cư Long Đức thành phố Trà Vinh	7,25	1,0	1,0		313.100	Vốn nhà đầu tư và các nguồn vốn khác	xã Long Đức	Kêu gọi đầu tư	NQ số 137/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh	Bổ sung đất trồng lúa là 1,0ha; điều chỉnh nguồn vốn tăng từ 108.750 triệu đồng thành 313.100 triệu đồng theo đề nghị của địa phương
11	Khu dân cư chợ Ba Trường, thành phố Trà Vinh	8,24	2,0	2,0		49.500	Vốn tạo quỹ đất	xã Long Đức	kêu gọi đầu tư	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh nguồn vốn tăng từ 49.440 triệu đồng thành 49.500 triệu đồng theo đề nghị của địa phương

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
12	Khu Dịch vụ thương mại, văn hóa, du lịch Ao Bà Om	21,37	0,95	0,95		150.000	Ngân sách tỉnh Vốn Doanh nghiệp	Phường 8	Kêu gọi đầu tư	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	Bổ sung nguồn vốn 150.000 triệu đồng theo đề nghị của địa phương
IX	HUYỆN CẦU NGANG: 33 công trình, dự án	37,33	15,49	15,49		103.718,00					
IX.1	Công trình, dự án đăng ký mới: 02 công trình, dự án	1,45				4.878,00					
1	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Dương Quang Đông, huyện Cầu Ngang	1,25				3.058	Ngân sách	thị trấn Cầu Ngang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quyết định 2321/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh	
2	Mở rộng Tỉnh lộ 912 (khoảng 1 km)	0,20				1.820	Ngân sách	TT. Mỹ Long	UBND huyện	Quyết định số 274/QĐ-UBND tỉnh ngày 21/02/2019 của UBND tỉnh	
IX.2	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 31 công trình, dự án	35,876	15,49	15,49		98.840,00					
1	Xây dựng trung tâm sinh hoạt Thanh thiếu niên huyện Cầu Ngang	1,70				5.100	Ngân sách	Xã Mỹ Hòa	UBND Huyện	NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	
2	Nâng cấp, mở rộng bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang	1,20	0,56	0,56		4.500	Ngân sách	TT. Cầu Ngang	Theo QĐ số 809/QĐ-UBND	NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng diện tích thu hồi từ 1,0 ha lên 1,2ha theo đề nghị của huyện
3	Xây dựng mới chợ Mỹ Hòa (Ấp Cẩm Hương)	0,30	0,20	0,20		900	Ngân sách	Xã Mỹ Hòa	UBND xã	NQ số 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm diện tích đất trồng lúa từ " 0,30 ha" thành "0,20ha" theo đề nghị của huyện
4	Khu hành chính mới huyện Cầu Ngang (diện tích: 6,11ha)	6,11	4,18	4,18		20.000	Ngân sách	TT. Cầu Ngang; xã Mỹ Hòa	UBND huyện	NQ số 63/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng diện tích thu hồi từ 5,97 ha lên 6,11ha theo đề nghị của huyện
5	Trường Tiểu học Vinh Kim C	0,05	0,05	0,05		70	Ngân sách	Xã Vinh Kim	Ban QLDA huyện	NQ số 137/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 của HĐND tỉnh	
6	Mở rộng trường MG Tuổi Thơ	0,10				150	Ngân sách	Xã Vinh Kim	Ban QLDA huyện	NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh giảm nguồn vốn từ 300 triệu đồng thành 150 triệu đồng theo đề nghị của huyện

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)		Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Cơ sở pháp lý	Ghi chú	
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)					Nguồn vốn
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
7	Trường Mẫu giáo Hiệp Hoà	0,20	0,20	0,20		300	Ngân sách	Xã Hiệp Hoà	Ban QLDA huyện	NQ số 137/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 của HĐND tỉnh	
8	Trường Trung học cơ sở xã Hiệp Mỹ Tây	0,70	0,70	0,70		1.050	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Tây	Ban QLDA huyện	NQ số 137/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng nguồn vốn từ 700 triệu đồng thành 1.050 triệu đồng theo đề nghị của huyện
9	Trường Tiểu học Nhị Trường A	0,15	0,15	0,15		330	Ngân sách	Xã Nhị Trường	Ban QLDA huyện	NQ số 137/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 của HĐND tỉnh	
10	Xây dựng mới sân vận động xã Kim Hòa	1,40				3.600	Ngân sách	Xã Kim Hòa	UBND xã	NQ số 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng diện tích thu hồi từ 1,2 ha lên 1,4 ha theo đề nghị của huyện
11	Xây dựng mới sân vận động thị trấn Mỹ Long	1,03	0,46	0,46		3.600	Ngân sách	TT. Mỹ Long	UBND xã	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	
12	Xây dựng mới sân vận động xã Hiệp Mỹ Đông	1,20				2.500	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông	UBND xã	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng diện tích thu hồi từ 1,0 ha thành 1,2 ha theo đề nghị của huyện
13	Sân vận động Hiệp Mỹ Tây	1,20	1,20	1,20		1.500	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Tây	Ban QLDA huyện	NQ số 137/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tăng diện tích thu hồi từ 1,1 ha thành 1,2 ha; tăng nguồn vốn từ "1.100 triệu đồng" thành "1.500 triệu đồng" theo đề nghị của huyện
14	Đường đal sau nhà thuốc Thuận Xương (sau nhà thuốc Thuận Xương)	0,01				30	Ngân sách	TT. Cầu Ngang	UBND huyện	NQ số 63/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh	
15	Mở mới đường Mỹ Hòa - Hương Lộ 17 (Từ đường Mỹ Hòa đến Hương Lộ 17)	1,82	0,60	0,60		5.460	Ngân sách	Xã Hiệp Hoà	UBND huyện	NQ số 63/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh	
16	Đoạn qua xã Hiệp Hoà dài 1483m rộng 6m	0,89	0,34	0,34		5.000	Ngân sách	Xã Hiệp Hoà	UBND huyện	NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	
17	Đoạn qua xã Mỹ Hoà dài 700m rộng 6m	0,42	0,12	0,12		4.000	Ngân sách	Xã Mỹ Hoà	UBND huyện	NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	
18	Đường NT1 (nối tiếp đường Tân Hiệp)	0,59	0,18	0,18		500	Ngân sách	Xã Kim Hòa	UBND huyện	NQ số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh	

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
19	Khu dân cư thương mại Hiệp Mỹ Tây	9,50	2,00	2,00	38.000	Ngân sách (nguồn cho thuê đất)	Xã Hiệp Mỹ Tây	UBND huyện	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh tên dự án từ "Khu dân cư Hiệp Mỹ Tây" thành "Khu dân cư thương mại Hiệp Mỹ Tây".	
20	Khu thể thao nhà văn hóa ấp Cái Giã Trên	0,25	0,25	0,25	375	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông	UBND xã	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh		
21	Khu thể thao nhà văn hóa ấp Cái Giã	0,25			375	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông	UBND xã	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh		
22	Khu thể thao nhà văn hóa ấp Cái Giã Bển	0,25			375	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông	UBND xã	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh		
23	Khu thể thao nhà văn hóa ấp Rạch	0,25			375	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông	UBND xã	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh		
24	Khu thể thao nhà văn hóa ấp Khúc Ngay	0,25			375	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông	UBND xã	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh		
25	Khu vui chơi cho người già và trẻ em	0,25			375	Ngân sách	Xã Hiệp Mỹ Đông	UBND xã	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh		
26	Di dân khẩn cấp vùng sạt lở TT. Cầu Ngang và xã Thuần Hòa huyện Cầu Ngang (giai đoạn 2)	0,70				Ngân sách TW và địa phương	TT. Cầu Ngang	BQL ĐTXD các công trình NN và PTNT	NQ số 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh		
27	Đường xóm chòi trên (dài: 1057m, rộng 2,5m)	2,64	2,11	2,11		Dân hiến đất	Xã Vinh Kim	UBND xã	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh		
28	Đường đất kênh cấp II (dài: 690m, rộng 2,5m)	1,73	1,73	1,73		Dân hiến đất	Xã Vinh Kim	UBND xã	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh		
29	Đường đất Cà Tum B (Tập Đoàn 13) (dài: 550m, rộng: 2,5m)	0,14	0,12	0,12		Dân hiến đất	Xã Vinh Kim	UBND xã	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh		
30	Đường số 18	0,24	0,20	0,20		Dân hiến đất	Xã Mỹ Hòa	UBND xã	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh		

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
31	Đường từ trạm y tế Mỹ Hòa đến nhà Hai Tuần gần chùa (dài 1200m, rộng 3m)	0,36	0,13	0,13			Dân hiến đất	Xã Mỹ Hòa	UBND xã	NQ số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh	
X	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN LIÊN HUYỆN: 09 công trình, dự án	144,71	40,77	40,77							
X.1	Các công trình, dự án đăng ký mới: 06 công trình, dự án	103,52	32,74	32,74							
1	Cải tạo nâng tiết diện dây phân pha từ ACSR240 thành 2 ACSR240 từ Trà Vinh đi Duyên Hải (Duyên Trà)	0,46	0,24	0,24			Tổng Công ty Điện lực miền Nam	Các huyện: Châu Thành; Cầu Ngang; Duyên Hải; Trà Cú	Tổng Công ty Điện lực miền Nam	Quyết định số 1940/QĐ-BCT ngày 19/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương	CV số 4370/ALĐMN-QLĐT ngày 02/10/2020 của Ban QLDA Lưới điện miền Nam
2	Hạ tầng giao thông kết nối Trung tâm thành phố Trà Vinh, huyện Châu Thành, Càng Long với Quốc lộ 60 và Quốc lộ 53 (giai đoạn 2)	12,425	9,20	9,20	50.000,00		Ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương	Thành phố Trà Vinh, huyện Châu Thành, Càng Long	Sở GTVT	Công văn số 3995/UBND-CNXD ngày 01/10/2020 và CV số 3801/UBND-CNXD ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh	
3	Nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 911 (Thanh Phú - Thanh Mỹ)	4,80	3,50	3,50	41.150		Ngân sách Trung ương	Các huyện: Cầu Kè, Càng Long, Châu Thành	Sở GTVT	QĐ số 3141/QĐ-UBND 04/9/2020 của UBND tỉnh	
4	Đường kết nối cầu Chong Văng - Quốc lộ 54, huyện Cầu Ngang, Châu Thành	3,40	3,30	3,30	3.200		Ngân sách tỉnh	Các huyện: Cầu Ngang và Châu Thành	Sở GTVT	QĐ số 3130/QĐ-UBND 01/9/2020 của UBND tỉnh	
5	Xây dựng Đường hành lang ven biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	73,65	9,00	9,00	1.571.300		Ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương	Các huyện: Cầu Ngang, Duyên Hải và TX. Duyên Hải	Sở GTVT	Công văn số 5693/BKHĐT-KTĐPLT ngày 31/8/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
6	Đường kết nối Quốc lộ 53 với đường cây ăn trái (chiều dài tuyến chính 2.400m và tuyến nhánh 450m)	8,79	7,50	7,5	111.947		Ngân sách tỉnh Ngân sách Trung ương	Huyện Châu Thành, Cầu Ngang ; TX Duyên Hải	Sở GTVT	NQ số 14/NQ-HĐND 17/7/2020 của HĐND tỉnh	
X.2	Công trình, dự án liên huyện chuyển tiếp: 03 công trình, dự án	41,18	8,03	8,03							

24

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
1	Đường dây 110kV Vũng Liêm - Trà Vinh 2. Trong đó: - Phân pha dây dẫn đường dây 110kV Vũng Liêm - Trà Vinh: Diện tích 0,62 ha đất, trong đó có 0,27 ha đất trồng lúa (địa điểm thuộc các huyện: Càng Long, Châu Thành, thành phố Trà Vinh). - Đường dây mạch 2 từ trạm 220kV Trà Vinh 2 - trạm 110kV Cầu Kè: Diện tích 1,38 ha đất, trong đó có 0,83 ha đất trồng lúa (địa điểm thuộc các huyện: Châu Thành, Tiểu Cần, Cầu Kè).	2,14	1,18	1,18			Doanh nghiệp	Các huyện: Càng Long; Châu Thành; Tiểu Cần; Cầu Kè và thành phố Trà Vinh	Doanh nghiệp	NQ số 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh	Bổ sung thêm tên 02 huyện Tiểu Cần và Cầu Kè (do NQ số 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 ghi thiếu tên 02 huyện này) Theo CV số 4381/ALĐMN-QLĐT và CV số 4384/ALĐMN-QLĐT cùng ngày 02/10/2020 của Ban QLDA Lưới điện miền Nam
2	Đường tỉnh 915B, giai đoạn 2, tỉnh Trà Vinh	34,864	5,50	5,50	106.905,00	Ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương	Huyện Châu Thành, Cầu Ngang ; TX Duyên Hải	Sở GTVT	Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND Trà Vinh	- Điều chỉnh tên dự án từ tên " Đường tỉnh 915B đoạn từ cầu Long Bình 3 đến xã Hiệp Thạnh (từ Km10+258 đến Km48+936,6)" thành tên "Đường tỉnh 915B, giai đoạn 2, tỉnh Trà Vinh". - Điều chỉnh tăng diện tích đất thu hồi từ "4.6 ha" thành "34.864 ha".	
3	Đường dẫn vào cầu để Kết nối dự án LRAMP (Dự án thành phần bổ sung): -Đường dẫn vào cầu ấp Nguyệt Lãng A: Diện tích 0,42ha (đất lúa 0,30ha). - Đường dẫn vào cầu ấp Kinh A: Diện tích 0,41ha (đất lúa 0,26ha). - Địa bàn huyện Tiểu Cần: 1,72ha, trong đó có 0,53ha đất trồng lúa. - Địa bàn huyện Châu Thành: diện tích 0,399ha. - Địa bàn huyện Trà Cú: Diện tích 0,62ha. - Địa bàn huyện Duyên Hải: Diện tích 0,62ha	4,18	1,35	1,35	32.000,00	Ngân sách tỉnh	Xã Bình Phú; Huyện Hội, huyện Càng Long Xã Long Thới, xã Hiếu Từ, xã Tập Ngãi, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần Huyện Châu Thành Huyện Trà Cú Thành phố Trà Vinh	Sở Giao thông - Vận tải	Nghị quyết số 170/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh		




Phụ lục III

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÓ NHU CẦU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC TRONG NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH (THEO ĐIỂM b KHOẢN 1 ĐIỀU 58 LUẬT ĐẤT ĐAI)

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Số TT	Tên công trình, dự án	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
			Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
TỔNG CỘNG: 28 công trình, dự án; cụ thể:		15,21	11,15	4,06						
I	Huyện Cầu Kè	2,72	2,72							
1	Cửa hàng trang trí nội thất Nam - Mai 2	0,23	0,23			Doanh nghiệp	Xã Châu Điền	Doanh nghiệp	Các Doanh nghiệp có Công văn gửi đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2021	
2	Cty TNHH Xây dựng hạ tầng kỹ thuật miền Tây	0,02	0,02			Doanh nghiệp	Xã Châu Điền	Cty TNHH Xây dựng hạ tầng kỹ thuật miền Tây		
3	Cty TNHH thương mại sản xuất nhập khẩu Tiến Thành	0,74	0,74			Doanh nghiệp	Xã Châu Điền	Cty TNHH thương mại sản xuất nhập khẩu Tiến Thành		
4	Khu nghỉ dưỡng Sông Tiền	0,88	0,88			Doanh nghiệp	Xã Châu Điền	Doanh nghiệp		
5	Cửa hàng xăng dầu Huỳnh Gia	0,24	0,24			Doanh nghiệp	Xã Phong Phú	Cty TNHH xăng dầu Huỳnh Gia		
6	Cửa hàng xăng dầu Sĩ Phương	0,17	0,17			Doanh nghiệp	Xã Phong Phú	Cty TNHH xăng dầu Sĩ Phương		
7	Dự án may mặc gia công Thạnh Phú	0,44	0,44			Doanh nghiệp	Xã Thạnh Phú	Cty TNHH Phú Thành Trà Vinh		
II	Huyện Châu Thành	0,67	0,67							
1	Cửa hàng Vật liệu xây dựng Hưng Phát Đạt	0,07	0,07			Doanh nghiệp	Xã Lương Hòa	Công ty TNHH VLXD Hưng Phát Đạt		
2	Khu du lịch sinh thái kết hợp văn hóa Trà Vinh	0,60	0,60			Doanh nghiệp	Xã Lương Hòa	Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Eco SDK		
III	Huyện Trà Cú	4,32	4,32							
1	Dự án Nhà máy điện sinh khối Trà Vinh	3,52	3,52			Cty cổ phần tư vấn xây dựng điện 2, Cty cổ phần năng lượng tái tạo Sơn Mỹ và Cty CP năng lượng tái tạo & NN Ninh Thuận	xã Lưu Nghiệp Anh	Doanh Nghiệp	QĐ số 1490/QĐ-BCT ngày 19/5/2016 của Bộ Công Thương	

Số TT	Tên công trình, dự án	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Căn cứ Pháp lý	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
			Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
2	Trụ sở Công an xã	0,80	0,80			Ngân Sách	Các xã	UBND huyện	Công văn số 509/CAT-PH10 ngày 08/5/2020 của Công an tỉnh	
IV	Huyện Càng Long	0,47	0,47							
1	Cửa hàng xăng dầu Đại Phước	0,42	0,42			Doanh nghiệp	Xã Đại Phước	Doanh nghiệp	Số 59/CV-AHTV	
2	Trụ sở Công an xã Bình Phú	0,05	0,05			Ngân sách	xã Bình Phú	Công an tỉnh	Số 834/CAT-PH10	
V	Thành phố Trà Vinh	0,07	0,07							
1	Petrolimex cửa hàng 13 (cây xăng phường 9)	0,07	0,07			Cty xăng dầu Trà Vinh	phường 9	Cty xăng dầu Trà Vinh	Chủ đầu tư đăng ký	
VI	Huyện Cầu Ngang	2,90	2,90							
1	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Thu Sang	0,05	0,05				Xã Hiệp Hòa	Doanh nghiệp		
2	Cửa hàng xăng dầu số 2 (Công ty TNHH Global Greentech)	0,1	0,10				Vốn doanh nghiệp	Xã Hiệp Mỹ Tây	Doanh nghiệp	
3	Cửa hàng xăng dầu Mỹ Hòa	0,10	0,10				Xã Mỹ Hòa	Doanh nghiệp		
4	Cửa hàng xăng dầu Petrol Life 6	0,13	0,13				Vốn doanh nghiệp	Xã Long Sơn	Doanh nghiệp	
5	CHXD Cầu Ngang của Cty TNHH TM DV Phước Toàn	0,71	0,71				Xã Mỹ Hòa	Doanh nghiệp		
6	CHXD Việt Hăng của Công ty TNHH MTV Xăng dầu Việt Hăng.	0,40	0,40				xã Kim Hòa	Doanh nghiệp		
7	Mở rộng trụ sở Công an xã Trường Thọ	0,12	0,12				Xã Trường Thọ	Công an tỉnh Trà Vinh	Nhu cầu ngành	
8	Xây dựng trụ sở Công an xã Thuận Hòa	0,22	0,22				Xã Thuận Hòa	Công an tỉnh Trà Vinh	Nhu cầu ngành	
9	Xây dựng trụ sở Công an xã Hiệp Hòa	0,37	0,37				Xã Hiệp Hoà	Công an tỉnh Trà Vinh	Nhu cầu ngành	
10	Xây dựng trụ sở Công an xã Thạnh Hòa Sơn	0,10	0,1				Xã Thạnh Hoà Sơn	Công an tỉnh Trà Vinh	Nhu cầu ngành	
11	Xây dựng trụ sở Công an xã TT Cầu Ngang	0,20	0,2				TT. Cầu Ngang	Công an tỉnh Trà Vinh	Nhu cầu ngành	
12	Xây dựng trụ sở Công an xã Kim Hòa	0,20	0,2				Xã Kim Hòa	Công an tỉnh Trà Vinh	Nhu cầu ngành	

Số TT	Tên công trình, dự án	Nhu cầu chuyển mục đích (ha)			Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm	Chủ đầu tư	Cơ sở Pháp lý	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó:		Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
			Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ						
13	Xây dựng trụ sở Công an xã Mỹ Long Bắc	0,2	0,2				Xã Mỹ Long Bắc	Công an tỉnh Trà Vinh	Nhu cầu ngành	
VII	Thị xã Duyên Hải	4,06		4,06						
1	Nhà máy sản xuất gạch không nung cao cấp Duyên Hải	4,06		4,06			Xã Dân Thành	Công ty CP Gạch ngói không nung Duyên Hải		

28